

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà L Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1025/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 2000

Địa chỉ: D3/21A Dương Đình C, ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Lương Hoài P, sinh năm 1988

Địa chỉ: D3/17D ấp X (ấp Y cũ), xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 18/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Lương Hoài P bắt đầu chung sống từ năm 2019, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 86. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Nhưng sau đó đến khoảng năm 2022 thì giữa bà và Ông P bắt đầu phát sinh các mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tiền bạc trong gia đình, cách nuôi dạy các con và cách ứng xử của Ông P với gia đình Bà L. Mặc dù Bà L và Ông P đã nhiều lần nói chuyện tìm hướng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hòa giải đoàn tụ được, giữa bà và Ông P thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí Ông P còn có hành vi bạo lực đối với bà. Bà L và các con đã chuyển về sinh sống ở nhà ba mẹ Bà L từ năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Hoài P.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà L và Ông P có 02 con chung tên Lương Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/10/2019 và Lương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 28/8/2021. Hiện tại các con đang sống cùng với Bà L. Khi ly hôn Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu A, không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lương Hoài P tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lương Hoài P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lương Hoài P. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào ngày 11/4/2024, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 230/2024/QĐST-HNGĐ đến Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “*Công dân Lương Hoài P, sinh năm 1988 hộ khẩu thường trú 49Đ3/2 Hoài T, khu phố X, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế cư trú tại, D3/17D ấp X, (xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bị đơn ông Lương Hoài P đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Lương Hoài P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa Bà L, Ông P; Tòa án đã tiến hành tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng có liên quan đến vụ án nhưng không thu thập được, điều này được thể hiện qua công văn số 6267/UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án về xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà L, Ông P: “*Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên không rõ, không nắm thông tin*”.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”.

Theo trình bày của Bà L thì bà xác định bà đã không còn tình cảm với Ông P, bà không mong muốn được đoàn tụ. Ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu ly hôn của Bà L. Điều này cho thấy Ông P đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà L. Mặt khác, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến khi Tòa án xét xử vụ án thì giữa Bà L và Ông P đã có một thời gian tương đối dài không chung sống cùng nhau, cả hai đều không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Như vậy, Bà L và Ông P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa Bà L và Ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Bà L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà L và Ông P có 02 (hai) con chung tên Lương Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/10/2019 và Lương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 28/8/2021. Hiện tại cháu H và cháu A đang sống cùng với Bà L. Khi ly hôn, Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu A, còn Ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu về con chung.

Xét thấy, theo trình bày của Bà L và kết quả xác minh theo công văn số 6267/UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì cháu Lương Nguyễn Gia H và cháu Lương Nguyễn Thiên A hiện nay đang sống chung với Bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến thời điểm hiện tại thì các cháu vẫn còn nhỏ tuổi và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa các cháu đã có sự gắn bó, thân thiết và có sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày với mẹ từ khi còn bé. Bà L có cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng lao động số 1-0481/HĐLĐ/2024 thể hiện Bà L có công việc và mức thu nhập hàng tháng ổn định, như vậy Bà L cũng đảm bảo các điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, tinh thần cho các con sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của Bà L, giao cháu Lương Nguyễn Gia H và cháu Lương Nguyễn Thiên A cho Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo trình bày của Bà L thì bà không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con chung, còn Ông P vắng mặt không thể hiện ý

kiến của ông về việc cấp dưỡng cho các con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung theo ý kiến của Bà L. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà L không yêu cầu Ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Hoài P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]. Về tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung giữa ông và Bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của Bà L, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5]. Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung giữa ông và Bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của Bà L, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L đối với bị đơn ông Lương Hoài P về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với ông Lương Hoài P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Lương Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/10/2019 và trẻ Lương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 28/8/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng L nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu ông Lương Hoài P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lương Hoài P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0036044 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh (1);
- UBND Phường 14, Quận 8,
Thành phố Hồ Chí Minh (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Dương

2AAKKBPΠ*εγδχαβ+